CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng

Ngày 30/06/2025	17,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.1%	**-5.5%**	**-2.3%**

DT thuần
Q2/25
272
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 119| 77.9%
YoY: ▼363| -57.1%

LN thuần
Q2/25
67.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 107| 269%
YoY: ▼67.7| -50.2%

LN sau thuế
Q2/25
73.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 119| 262%
YoY: ▼51.5| -41.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
27.8%
YoY: +/-▲ 37.1%

ROE (TTM)
Q2/25
1.6%
YoY: +/-▼ 1.1%

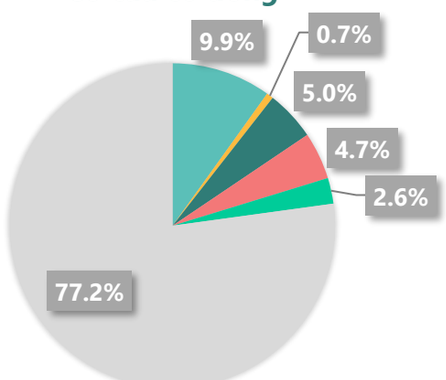
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	13,396 - 26,038
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,442
Số lượng CPLH (CP)	646,431,191
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15,705,585
Sở hữu nước ngoài	5.1%
Beta	1.18
EPS	197
P/E	90.0

DT thuần
6T 2025
425
tỷ VNĐ
YoY: ▼210| -33.1%

LN thuần
6T 2025
27.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.50| 53.4%

LN sau thuế
6T 2025
28.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 24.2| 619%

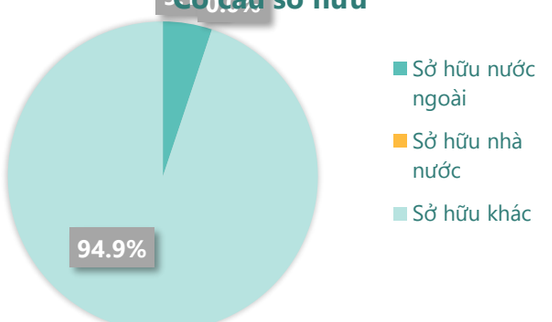
Cơ cấu cổ đông



- Nguyễn Hùng Cường (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Thiện Tuấn
- CTCP Kinh doanh Địa Ốc Him Lam
- CTCP Đầu tư Phát triển Thiên Tân
- Lê Thị Hà Thanh
- Khác

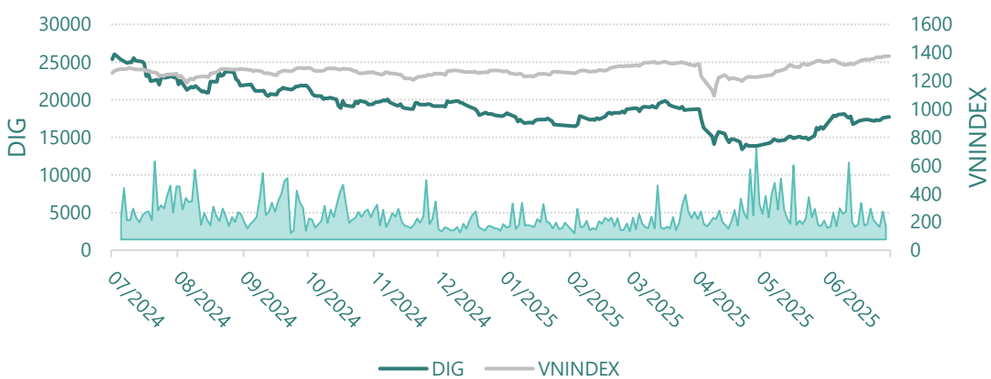
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



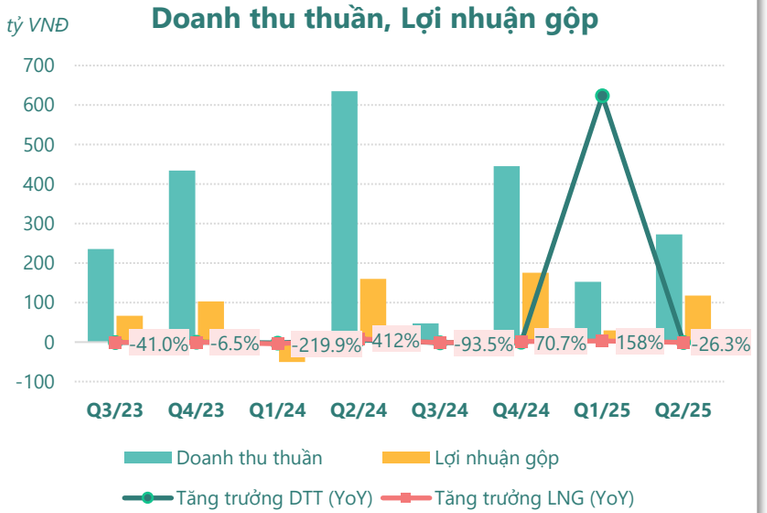
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



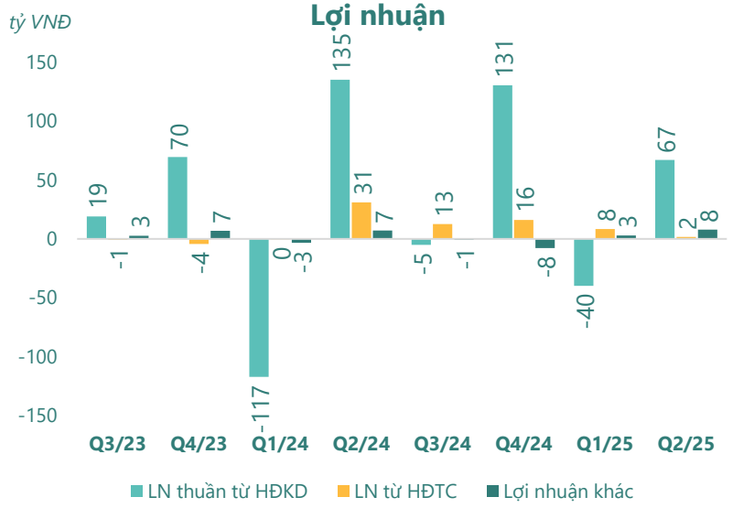
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



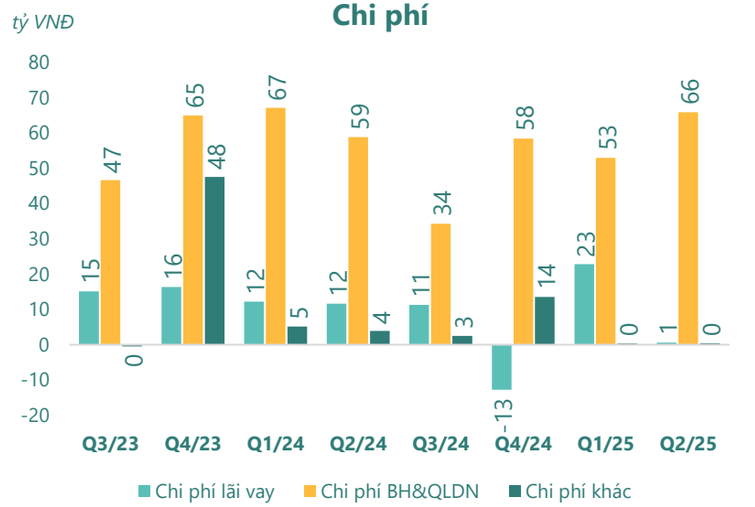
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



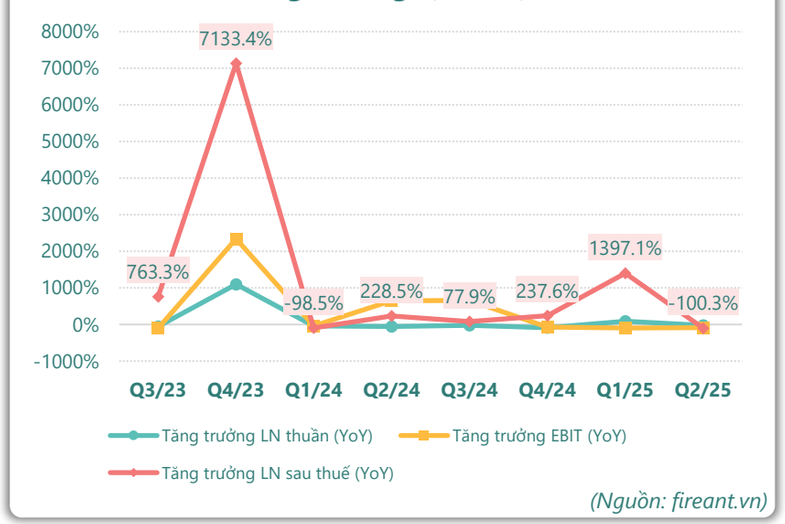
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



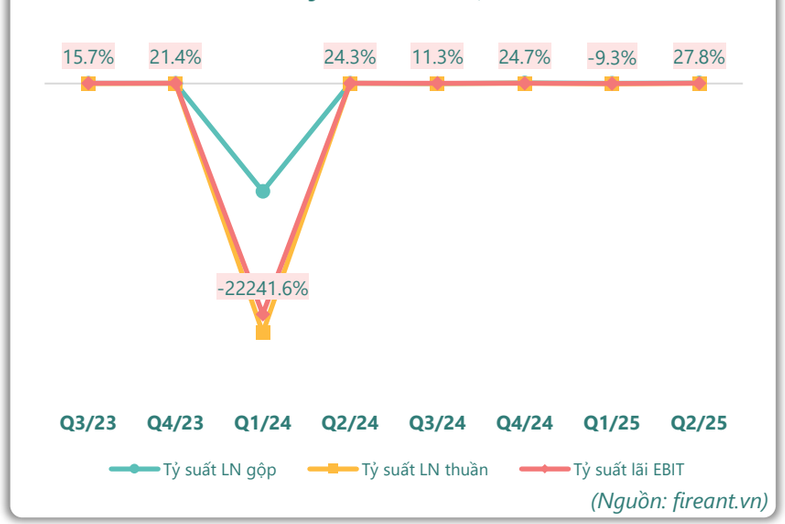
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



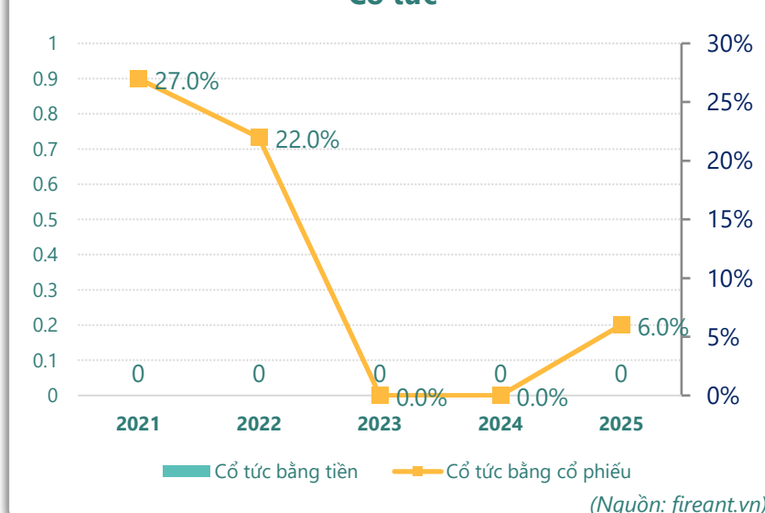
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

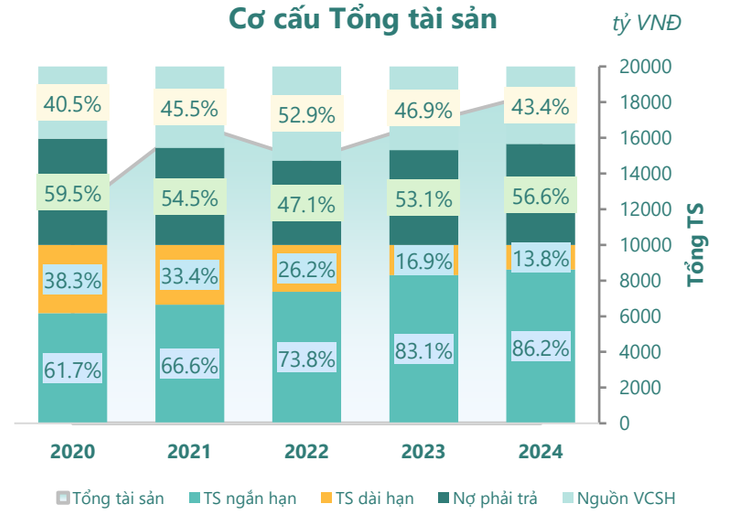
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

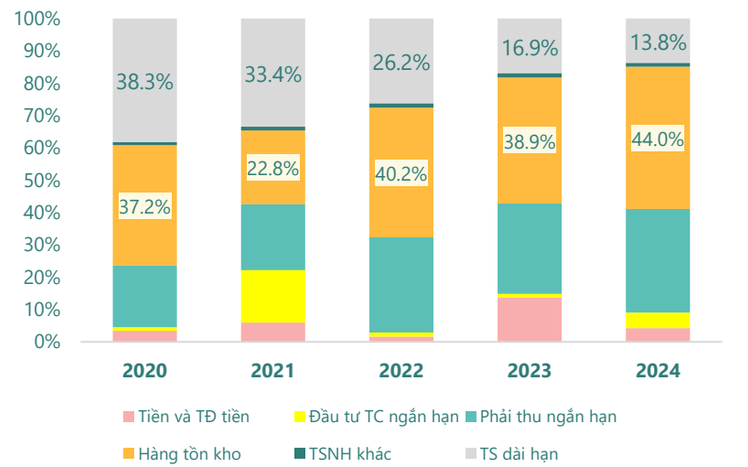
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



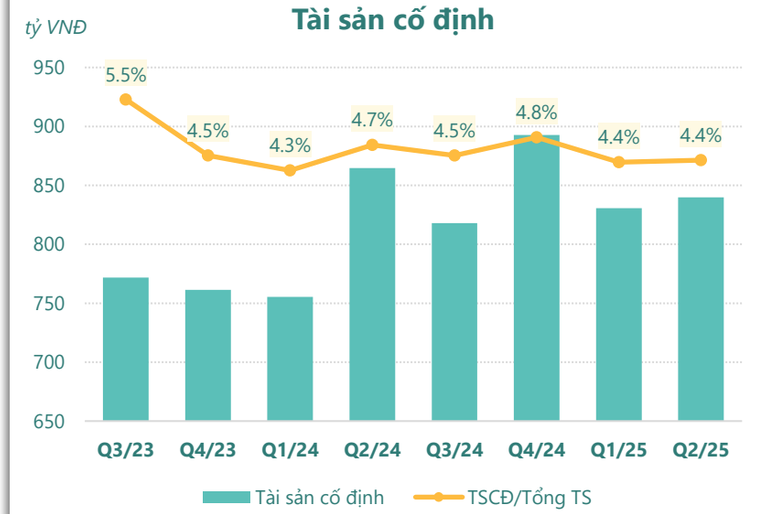
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



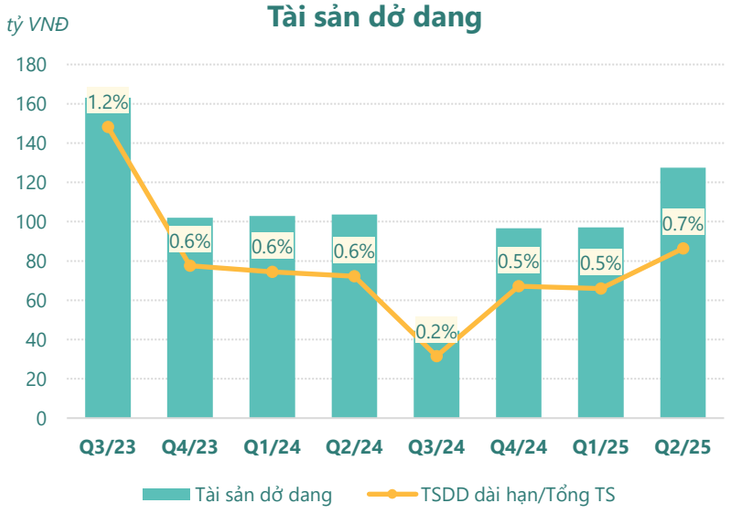
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



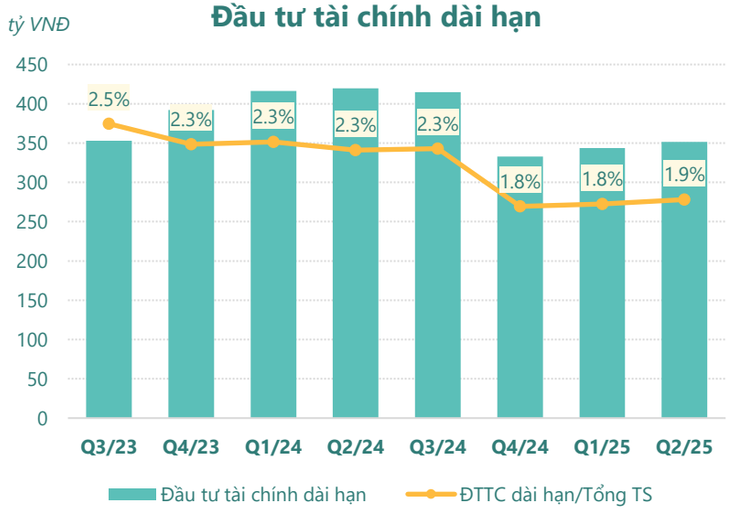
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



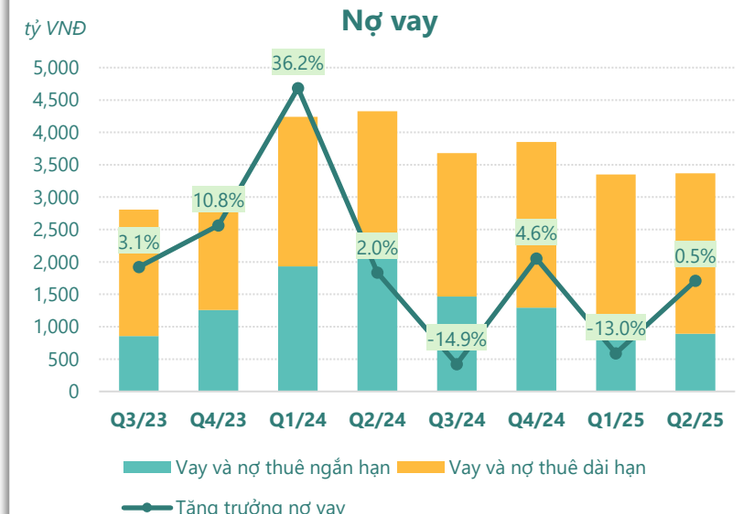
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

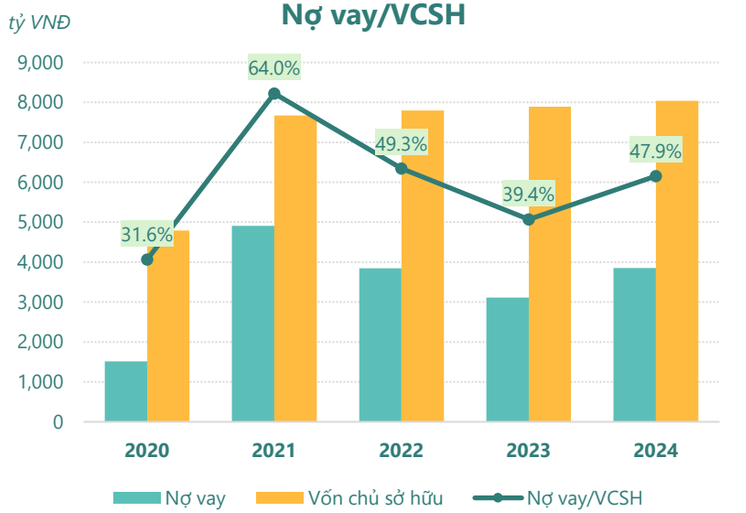
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



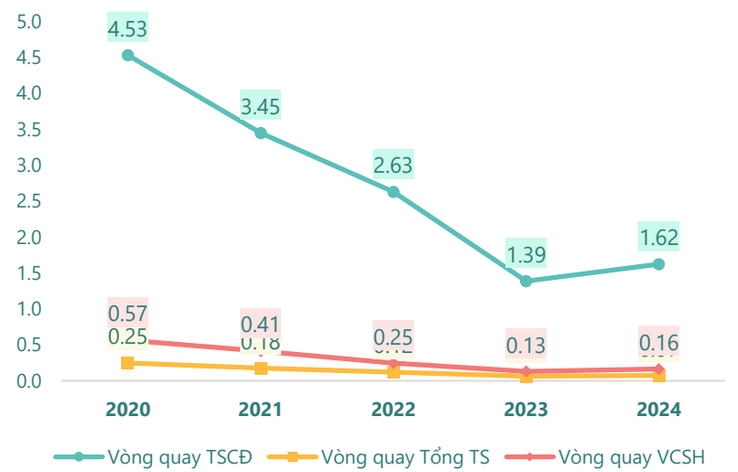
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



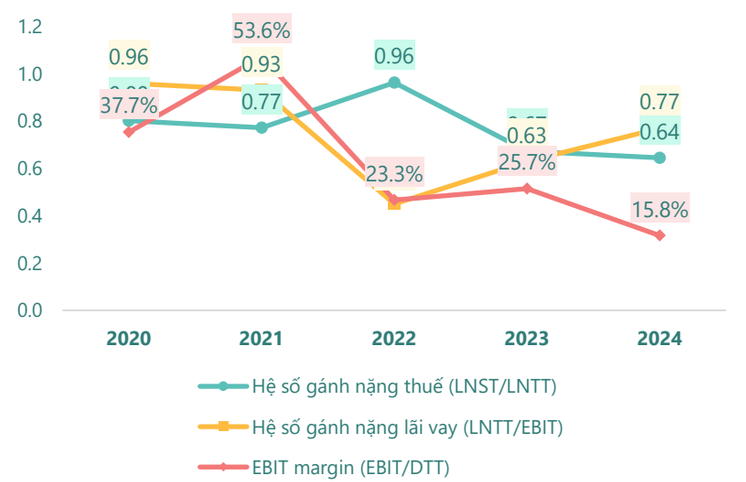
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



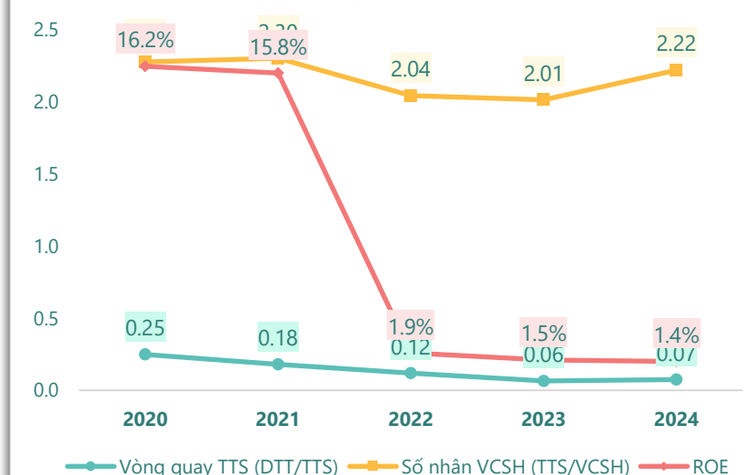
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



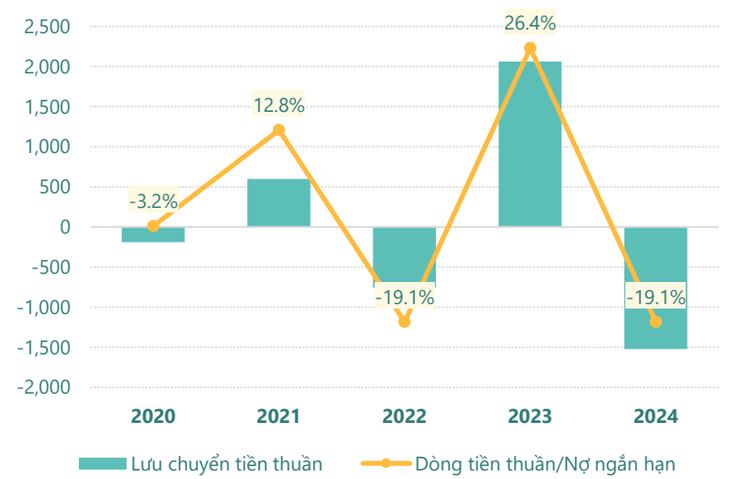
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**272**	**635**	**-57.1%**	**425**	**635**	**-33.1%**
Giá vốn hàng bán	154	475	-67.5%	278	526	-47.2%
Lợi nhuận gộp	118	160	-26.4%	147	109	35.0%
Doanh thu HĐTC	2.14	22.8	-90.6%	34.2	34.9	-1.8%
Chi phí TC	0.51	-8.09	106%	24.1	4.34	456%
Chi phí lãi vay	0.60	11.6	-94.9%	23.4	23.8	-1.8%
LN trong công ty LKLD	**13.8**	**3.52**	**292%**	**-10.8**	**4.50**	**-339%**
Chi phí bán hàng	17.6	13.1	34.0%	26.3	26.9	-2.0%
Chi phí QLDN	**48.4**	**45.7**	**5.8%**	**92.5**	**99.1**	**-6.7%**
LN thuần từ HĐKD	67.3	135	-50.2%	27.4	17.9	53.4%
Lợi nhuận khác	**7.92**	**7.07**	**12.1%**	**10.8**	**3.65**	**195%**
LN trước thuế	75.2	142	-47.1%	38.2	21.5	77.5%
Lợi nhuận sau thuế	**73.5**	**125**	**-41.2%**	**28.1**	**3.90**	**619%**
LNST của CĐ cty mẹ	**41.5**	**126**	**-67.1%**	**31.4**	**8.77**	**258%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-504	-706	45.0	-1,029	-0.28	-20.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-982	323	425	196	211	103
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,121	40.4	-592	250	-502	8.42
Tiền đầu kỳ	2,307	1,943	1,600	1,479	785	495
Lưu chuyển tiền thuần	**-365**	**-343**	**-121**	**-583**	**-291**	**91.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.01	0	0
Tiền cuối kỳ	1,943	1,600	1,479	895	495	586

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**18,974**	**18,539**	**2.3%**
Tài sản ngắn hạn	16,450	15,986	2.9%
Tiền và tương đương tiền	586	785	-25.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	667	896	-25.6%
Phải thu ngắn hạn	5,743	5,944	-3.4%
Hàng tồn kho	9,190	8,155	12.7%
Tài sản ngắn hạn khác	265	206	28.5%
Tài sản dài hạn	**2,524**	**2,554**	**-1.1%**
Phải thu dài hạn	896	950	-5.6%
Tài sản cố định	840	842	-0.3%
Bất động sản đầu tư	143	159	-9.9%
Tài sản dở dang	127	96.6	31.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	352	329	7.0%
Tài sản dài hạn khác	**62.7**	**64.7**	**-3.1%**
Lợi thế thương mại	103	113	-8.2%
Nợ phải trả	10,922	10,498	4.0%
Nợ ngắn hạn	**8,186**	**7,962**	**2.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	893	1,573	-43.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	339	511	-33.6%
Nợ dài hạn	2,735	2,536	7.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,474	2,277	8.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**8,053**	**8,041**	**0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**8,053**	**8,041**	**0.1%**
Vốn điều lệ	6,464	6,099	6.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)